

# Chương 1 : Giới thiệu về kinh doanh quốc tế và công ty đa quốc gia

## I. Các hoạt động kinh doanh quốc tế

### *1. Khái niệm kinh doanh quốc tế*

Kinh doanh quốc tế là những giao dịch được tạo ra và thực hiện giữa các quốc gia để thỏa mãn mục tiêu của cá nhân và tổ chức.



Một công ty kinh doanh QT là bất kỳ công ty nào tham gia vào thương mại quốc tế hoặc đầu tư quốc tế.

- + Thương mại quốc tế (international trade): là việc xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ sang một QG khác
- + Đầu tư quốc tế (international investment): là việc đầu tư những nguồn lực trong hoạt động kinh doanh ra khỏi quốc gia chủ quản



# Mối quan hệ của kinh doanh quốc tế và các ngành học khác

- Địa lý: khai thác địa điểm, số lượng, chất lượng các nguồn lực trên toàn cầu
- Lịch sử: hiểu biết rộng hơn về chức năng hoạt động kinh doanh quốc tế hiện tại
- Chính trị: định hình kinh doanh trên toàn cầu
- Luật : điều chỉnh mối quan hệ buôn bán quốc tế



- Kinh tế học : công cụ phân tích để xác định
  - Ảnh hưởng của công ty quốc tế đối với nền kinh tế nước sở tại và nước mẹ
  - Tác động chính sách kinh tế của một nước đối với công ty quốc tế
- Nhân chủng học : hiểu biết giá trị, thái độ, niềm tin của con người và môi trường
- Văn hóa: hành vi ứng xử,



## 2. Kinh doanh quốc tế và kinh doanh trong nước:

+ Đặc điểm chung : Những nguyên lý và kỹ năng cơ bản trong kinh doanh hoàn toàn có thể áp dụng trong KDQT cũng như kinh doanh trong nước

+ Sự khác nhau của kinh doanh quốc tế và kinh doanh trong nước:

- KDQT là hoạt động kinh doanh giữa các nước, còn kinh doanh trong nước là hoạt động kinh doanh chỉ diễn ra trong nội bộ một QG



Quản trị kinh doanh quốc tế được thực hiện xuyên qua biên giới các nước phức tạp hơn, vì:

- Sự khác biệt giữa các nước về văn hóa, chính trị, kinh tế, luật pháp;
- Phải hoạt động theo quy định của hệ thống thương mại và đầu tư quốc tế
- Liên quan đến tỷ giá hối đoái

Sự khác nhau của kinh doanh quốc tế và kinh doanh trong nước:



- Kinh doanh quốc tế được thực hiện ở nước ngoài, vì vậy các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường này thường gặp phải nhiều rủi ro hơn ở nội địa
- Kinh doanh quốc tế buộc phải diễn ra trong môi trường mới và xa lạ, do đó các doanh nghiệp phải thích ứng để hoạt động có hiệu quả.
- Kinh doanh quốc tế tạo điều kiện cho doanh nghiệp gia tăng lợi nhuận bằng cách mở rộng phạm vi thị trường. Điều này khó có thể đạt được nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh trong nước.





### 3. Động cơ kinh doanh quốc tế

Mở rộng thị trường (market expansion)

- Tìm kiếm nguồn lực (acquire resources)
- Ưu thế về vị trí (location advantage)
- Lợi thế so sánh (comparative advantage)
- Bảo vệ thị trường (to protect their market)
- Giảm rủi ro (risk reduction)
- Ưu đãi của chính phủ (government incentives)





## 4. Các hình thức kinh doanh quốc tế

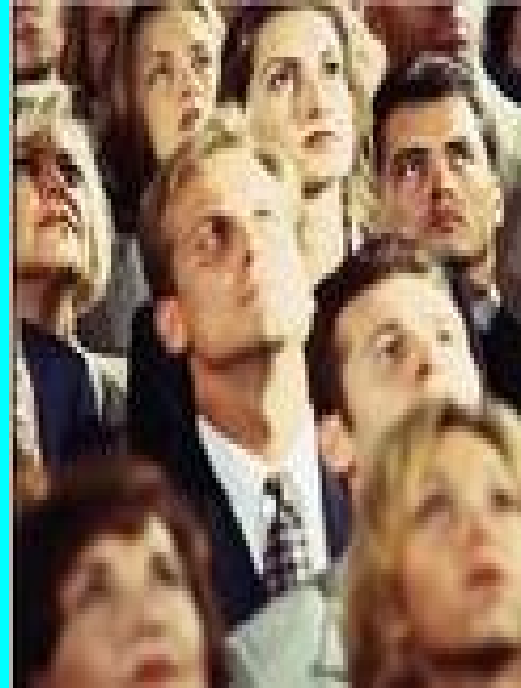
a. Thương mại quốc tế - Xuất khẩu, nhập khẩu

- *Xuất khẩu*: Là hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ở một công ty trong nước và được đưa sang nước khác.
- *Nhập khẩu*: Là mua hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ở một nước ngoài

*Thuận lợi và bất lợi đối với nhà xuất khẩu*

+ **Thuận lợi**

- **Vốn và chi phí ban đầu thấp**: do



Giúp công ty có kinh nghiệm và hiểu biết về kinh tế vùng

– Đạt hiệu quả về quy mô từ doanh thu toàn cầu

+ **Bất lợi:**

– Không thích hợp khi có địa điểm chi phí thấp hơn ở nước ngoài.

– Chi phí vận chuyển cao.

– Hàng rào thương mại.

– Vấn đề marketing do đại lý ở địa phương thực hiện



## b. Đầu tư nước ngoài trực tiếp

- Liên doanh: là sự thành lập một công ty do sự liên kết giữa hai hay nhiều công ty độc lập khác

+ Thuận lợi:

- Thâm nhập kiến thức địa phương
- Chia sẻ chi phí phát triển và rủi ro
- Rủi ro thấp về quốc hữu hóa

+ Bất lợi:

- Thiếu kiểm soát công nghệ
- Mâu thuẫn và tranh chấp giữa các đối tác
- Hạn chế kiểm soát liên doanh nên khó đạt quy mô kinh tế vùng

- Không có khả năng tham gia vào phối hợp chiến lược toàn cầu
- Doanh nghiệp sở hữu toàn bộ của nước ngoài: là công ty với 100% vốn nước ngoài

*Hai cách thành lập:*

- Thành lập công ty mới:
  - Do yêu cầu sản xuất bằng những thiết bị đặc biệt
  - Không có đối tác cùng ngành ở địa phương
- Mua lại công ty địa phương đang hoạt động:
  - Chuyển giao nhanh chóng kỹ thuật sản xuất từ công ty mẹ
  - Có sẵn mạng lưới phân phối, marketing
  - Thu thập kinh nghiệm ở thị trường địa phương

- Doanh nghiệp sở hữu toàn bộ của nước ngoài: là công ty với 100% vốn nước ngoài
- + Thuận lợi:
  - Bảo vệ công nghệ
  - Khả năng tham gia vào phối hợp chiến lược toàn cầu
  - Khả năng nhận biết kinh tế vùng và kinh nghiệm
- + Bất lợi:
  - Chi phí ban đầu cao nhất
  - Rủi ro cao



## c. Chuyển giao và những hình thức khác

- **Dự án trao tay (turnkey projects):** là phương cách xuất khẩu quy trình công nghệ sang nước khác. Bên nhận thực hiện thiết kế, xây dựng, huấn luyện nhân viên thực hành. Khách hàng giữ “chìa khóa” vận hành nhà máy đã sẵn sàng hoạt động.

+ **Thuận lợi:**

- Thu lợi nhờ kiến thức, bí quyết công nghệ
- Sử dụng ở những nơi FDI bị giới hạn

+ **Bất lợi:**

- Tạo ra đối thủ cạnh tranh
- Thiếu sự hiện diện trên thị trường dài hạn

## - Chuyển nhượng giấy phép – Licensing:

- Thỏa thuận chuyển nhượng giấy phép là thỏa thuận theo đó bên cấp giấy phép đồng ý cho bên nhận quyền sử dụng tài sản vô hình trong một thời gian xác định, và bên chuyển giao nhận phí bản quyền từ bên nhận chuyển giao.

Tài sản vô hình: văn bằng bảo hộ (patent); sáng chế (invention); công thức (formulas); thiết kế (designs); quyền tác giả (copyright); nhãn hiệu hàng hóa (trademark).





## + Thuận lợi:

- Không chịu chi phí phát triển và rủi ro phát triển thấp
- Công ty không cần bỏ nguồn lực vào những thị trường không quen thuộc, bất ổn về chính trị, hạn chế đầu tư

## + Bất lợi:

- Không kiểm soát chặt chẽ sản xuất, marketing
- Giới hạn khả năng nhận biết kinh nghiệm và kinh tế vùng
- Tạo ra đối thủ cạnh tranh
- Thiếu sự hiện diện trên thị trường

## - Franchising (đại lý đặc quyền, nhượng quyền):

Là hình thức đặc biệt của licensing, thường sử dụng cho dịch vụ. Bên chuyển giao bán sở hữu vô hình (thường là nhãn hiệu), bên nhận phải tuân thủ theo qui tắc kinh doanh.

### + Thuận lợi:

- Giảm chi phí và rủi ro khi mở rộng thị trường nước ngoài
- Xây dựng sự hiện diện nhanh chóng



+ Bất lợi:

- Hạn chế khả năng kiếm lời từ một số quốc gia và hỗ trợ cạnh tranh ở một QG khác
- Hạn chế sự kiểm soát chất lượng
- Chế tạo theo hợp đồng (manufacturing contracts): là hợp đồng với công ty khác để sản xuất theo đúng quy cách và chịu trách nhiệm tiêu thụ

+ Thuận lợi:

- Không cần đầu tư vào thiết bị, xưởng
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm



## - Hợp đồng quản lý:

Cung cấp một phương tiện mà thông qua đó một công ty có thể sử dụng một số những nhân viên quản lý của họ để hỗ trợ cho một công ty khác ở nước ngoài về những chức năng quản lý tổng quát hoặc chuyên sâu trong một khoảng thời gian nhất định để thu được một khoản tiền thù lao

- Hợp đồng quản lý được thiết lập trong 3 trường hợp:

- Khi một công ty ngoại quốc được mời đến để quản lý hoạt động hiện tại có hiệu quả hơn



- Khi chính phủ nước sở tại quốc hữu hóa công ty nước ngoài và vẫn tiếp tục mời chủ nhân cũ giám sát hoạt động cho đến khi những nhà quản lý địa phương đã được đào tạo.

- Khi một công ty được yêu cầu điều hành một công việcKD mà trong đó họ có thể bán nhiều thiết bị cho công ty thuê quản lý.

+ Thuận lợi:

- Có cơ hội sử dụng nguồn cung từ chính quốc



- Kiểm soát chất lượng sản phẩm
- Có thể kiểm soát nhiều hoạt động trong liên doanh dù là tỉ lệ góp vốn ít hơn

#### + Bất lợi:

- Đào tạo những nhà cạnh tranh tương lai
- Nhà thầu thiếu khả năng quản lý các nhân viên đặc biệt tại các cơ sở quốc doanh
- Dễ bị chi phối bởi chính sách của công ty đa quốc gia



# Câu hỏi:

1. Làm thế nào để duy trì lợi thế cạnh tranh kinh tế?
2. Lợi thế cạnh tranh của quốc gia do những nhân tố nào quyết định?
3. Toàn cầu hóa: Khái niệm, các bộ phận của toàn cầu hóa?
  1. Nguyên nhân của toàn cầu hóa?
  2. Toàn cầu hóa tác động như thế nào đến việc làm và thu nhập của người dân trên thế giới?
  3. Toàn cầu hóa tác động như thế nào tới chính sách lao động và môi trường của thế giới?
  4. Toàn cầu hóa ảnh hưởng như thế nào đối với vấn đề chủ quyền quốc gia?
  5. Đặc trưng của công ty đa quốc gia?
  6. Tại sao lại trở thành công ty đa quốc gia?

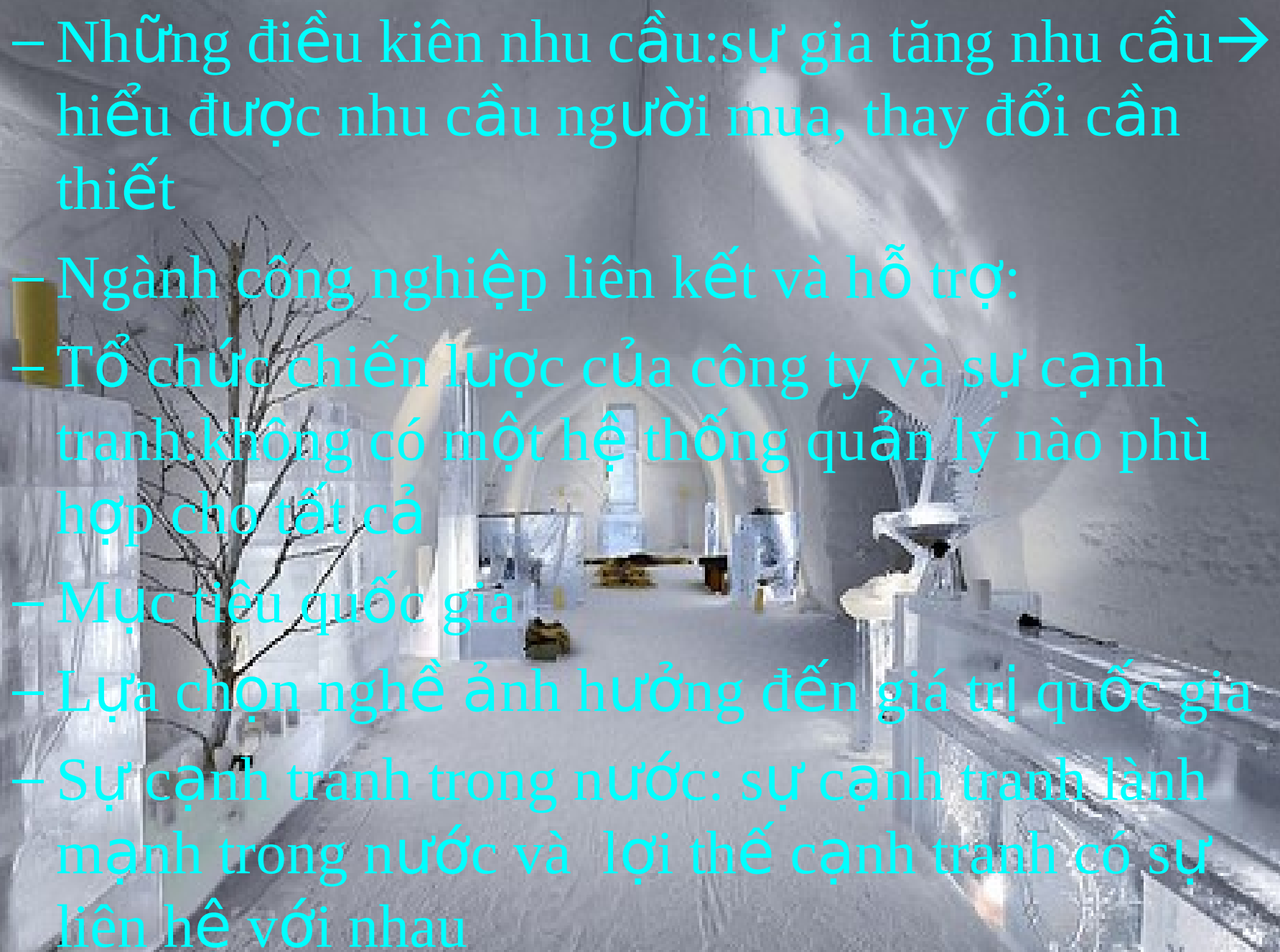


## II. Đối diện những thách thức trong kinh doanh QT

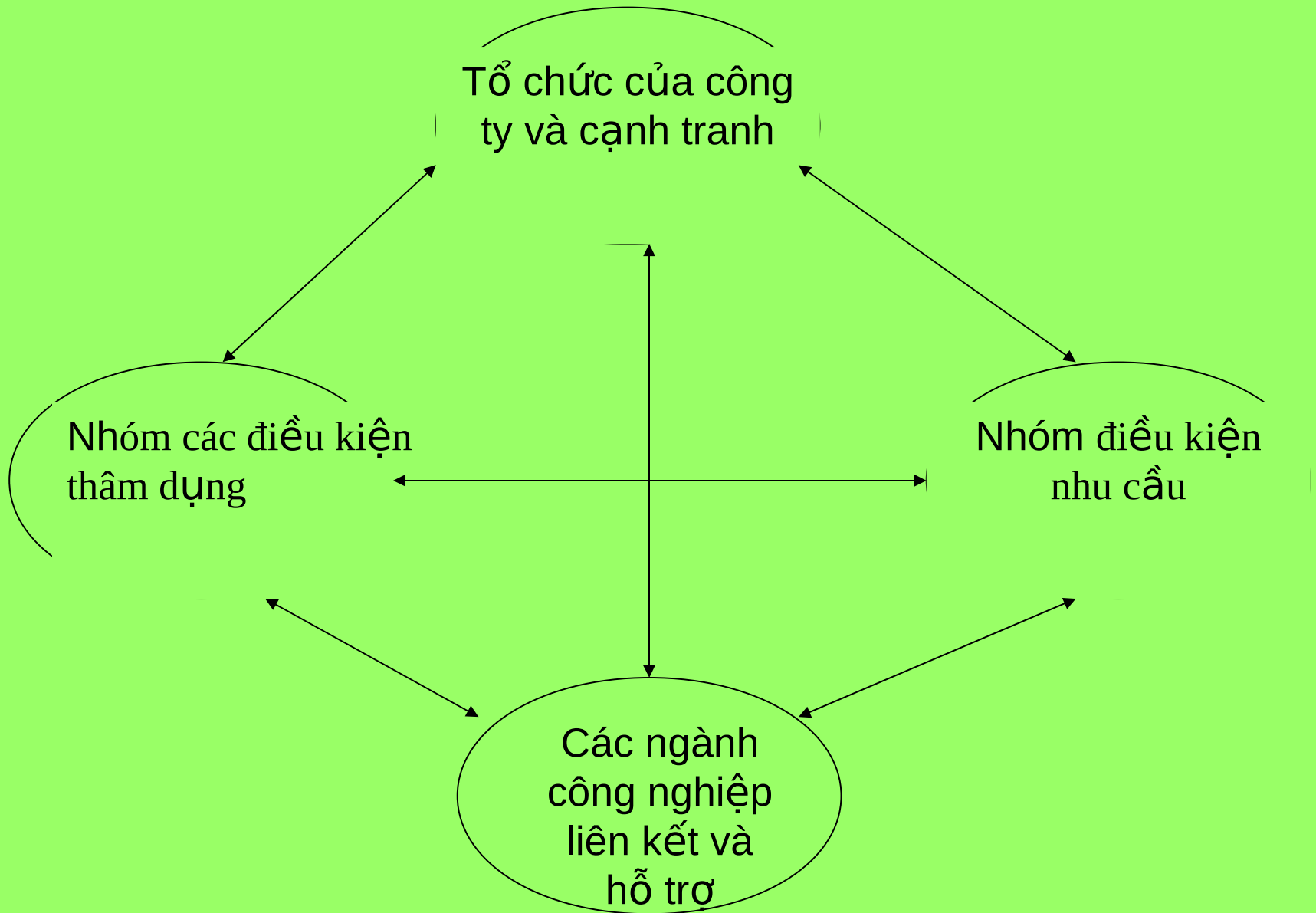
Để có vị trí quan trọng trong thương mại QT?

1. Duy trì lợi thế cạnh tranh kinh tế
  - Sáng tạo trong cải tiến
  - Thay thế sản phẩm.
2. Tính cạnh tranh quốc tế
  - Yếu tố thâm dụng: tài nguyên, lao động và vốn. Khả năng sử dụng yếu tố thâm dụng, thường xuyên nâng cao hoặc giữ vững các yếu tố thâm dụng



- 
- Những điều kiên nhu cầu: sự gia tăng nhu cầu → hiểu được nhu cầu người mua, thay đổi cần thiết
  - Ngành công nghiệp liên kết và hỗ trợ:
  - Tổ chức chiến lược của công ty và sự cạnh tranh: không có một hệ thống quản lý nào phù hợp cho tất cả
  - Mục tiêu quốc gia
  - Lựa chọn nghề ảnh hưởng đến giá trị quốc gia
  - Sự cạnh tranh trong nước: sự cạnh tranh lành mạnh trong nước và lợi thế cạnh tranh có sự liên hệ với nhau

# Các thành phần của Porter trong lợi thế cạnh tranh quốc gia



### 3. Những quy định của chính phủ, luật lệ

- Quốc hội và chính quyền địa phương
- Đàm phán thương mại quốc tế
- Phát triển một triển vọng quốc tế:
- Kinh nghiệm: thuê những người có kinh nghiệm làm việc quốc tế
- Tiếp cận: tầm quan trọng của hoạt động QT
- Thái độ: dành cho nhà quản trị khi làm việc



### III. Toàn cầu hóa

#### 1. Khái niệm:

Toàn cầu hóa là quá trình nền kinh tế thế giới tiến tới hợp nhất và phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn.

#### a. Toàn cầu hóa có 2 bộ phận chính:

- Toàn cầu hóa thị trường: là sự hợp nhất của các thị trường quốc gia riêng biệt thành một thị trường toàn cầu khổng lồ.
- Toàn cầu hóa sản xuất: là khuynh hướng các DN khai thác nguồn sản phẩm và dịch vụ từ những vùng khác nhau



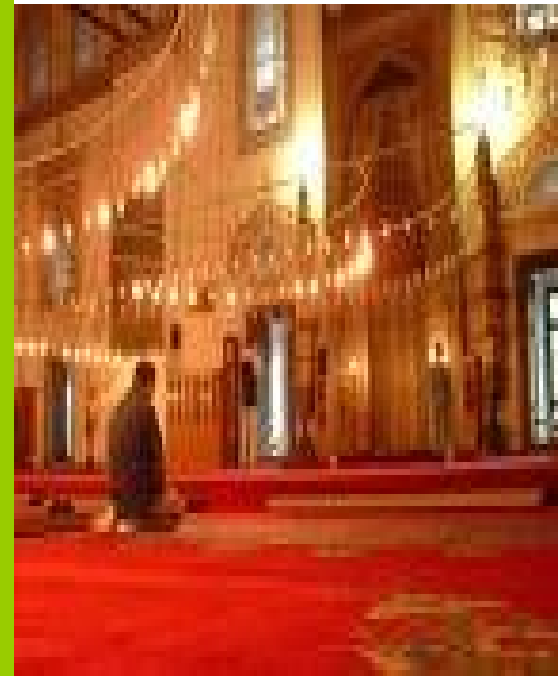
trên thế giới để khai thác lợi thế các quốc gia về chi phí và chất lượng các yếu tố sản xuất.

## 2. Nguyên nhân toàn cầu hóa

- Giảm hàng rào thương mại và đầu tư
- Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT-General Agreement on Tariffs and Trade)
- Cách mạng khoa học công nghệ
  - vận chuyển hàng hóa *BỘ vi xử lý* và *viễn thông* : máy tính giá rẻ, vệ tinh, cáp quang,
  - *Internet và liên mạng toàn cầu*



- *Công nghệ vận tải*: máy bay chở khách, phương thức bằng container,
- *Yếu tố cải tiến công nghệ đối với toàn cầu hóa sản xuất*: mạng thông tin toàn cầu, phương thức vận tải mới làm cho việc phân tán sản xuất trên TG thuận lợi hơn.
- *Yếu tố cải tiến công nghệ đối với toàn cầu hóa thị trường*: phí vận chuyển thấp, internet tạo ra thị trường thương mại điện tử, phương tiện vận chuyển hiện





...-> giảm khoảng cách VH giữa các quốc gia, hội nhập về khẩu vị và sở thích của người tiêu dùng trên khắp thế giới

- Sự sát nhập của các công ty quốc tế
- Chính sách đầu tư

### 3. Vấn đề toàn cầu hóa- thịnh vượng hay đói nghèo?

- Toàn cầu hóa, việc làm và thu nhập
- Toàn cầu hóa, chính sách lao động và môi trường
- Toàn cầu hóa và chủ quyền quốc gia



# IV. Đặc trưng của công ty đa quốc gia

## 1. Đặc trưng của công ty đa quốc gia

- Cổ đông đến từ khắp nơi trên thế giới
- Liên quan đến nơi đặt trụ sở chính và nơi kinh doanh
- Các công ty con phải chịu ảnh hưởng của môi trường quốc tế và sở tại
- Các công ty con có chung nguồn tài trợ (tài sản, nhãn hiệu hàng hóa và nhân lực), các công ty con có thể tìm nhiều định chế tài chính tài trợ vốn



## 2. Tại sao lại trở thành công ty đa quốc gia

Tăng khả năng bảo vệ khỏi rủi ro

- Giảm thiểu không ổn định của chu kỳ kinh doanh nội địa
- Tạo sự tăng trưởng thị trường thế giới trong toàn cầu hoá tăng trưởng nhanh chóng, phân phối trên quy mô toàn thế giới.
- Gia tăng cạnh tranh thế giới, bảo vệ thị phần



- Giảm chi phí. Các chi phí trung gian đáp ứng nhanh nhu cầu người tiêu dùng, nắm lấy lợi thế về nguồn tài nguyên
- Vượt qua bức tường thuế
- Sử dụng các công nghệ chế tạo trực tiếp sản xuất theo licence (một bên là nhà cung cấp cho phép sử dụng bằng sáng chế, một bên trả phí định kỳ cố định và gia tăng theo sản xuất) điều này cho phép họ độc quyền sản xuất và trực tiếp bán sản phẩm ở nước ngoài



Hết chương  
1

Ví dụ: hãng Boeing: máy bay Boeing 777 chứa 132.500 bộ phận linh kiện chính được sản xuất bởi 545 nhà cung cấp trên thế giới.